

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO HỢP ĐỒNG PHẦN SINH HỌC VI SINH VẬT - SINH HỌC 10

PHAN THỊ THANH HỘI - NGUYỄN THỊ THẢO*

Ngày nhận bài: 10/05/2017; ngày sửa chữa: 19/05/2017; ngày duyệt đăng: 20/05/2017.

Abstract: Contract-based teaching allows learners to be both free and responsible for exploring knowledge within the framework of a study contract; thereby students could be able to develop the self-learning and collaborative competency. In this article, authors deeply analyze the contract-based teaching process, in particular, authors emphasize the contract collection step and give students opportunities for self-assessment and peer-assessment and task difficulty assessment. Authors also provide an illustration in teaching Micro-organism, Biology grade 10 with application of contract-based teaching and the initial results of teaching under this approach.

Keywords: Contract, contract-based teaching, learning, microorganism.

Dạy học theo hợp đồng (DHTHĐ) là phương pháp dạy học (PPDH) tích cực được triển khai mạnh mẽ tại các nước châu Âu từ những năm 80 của thế kỷ XX. Xuất phát từ quan điểm “Dạy học phân hóa” nhằm tạo ra những kết quả học tập và sự phát triển tốt nhất cho từng người học, đảm bảo công bằng trong giáo dục, tức là đảm bảo quyền bình đẳng về cơ hội học tập cho người học [1]. Để đạt được mục tiêu dạy học, người dạy phải tổ chức lại tri thức cần dạy với khả năng sự phạm và hiểu biết của mình, có tính đến những ràng buộc của lớp học, đặc điểm của từng đối tượng học sinh (HS) cùng các điều kiện học tập khác [2]. Với mục tiêu đặt ra, việc sử dụng phương pháp DHTHĐ đã đem lại hiệu quả tốt và có được tính thuyết phục trong những thập kỉ qua.

Ở Việt Nam, DHTHĐ được áp dụng và triển khai tại một số trường tiểu học, trung học cơ sở và trường thực hành sư phạm dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Vương quốc Bỉ trong 2 dự án Việt - Bỉ I và II đã có những kết quả tích cực [3]. Tuy nhiên, tài liệu về cơ sở lí luận của phương pháp DHTHĐ vẫn còn rất ít, chủ yếu các chuyên gia cung cấp tài liệu dưới dạng các bài giảng và một vài ví dụ minh họa, vì vậy khi giáo viên (GV) triển khai dạy học theo phương pháp này còn có khá lúng túng và chưa thực sự hiểu sâu bản chất của phương pháp. Vì vậy, cần có thêm các nghiên cứu và vận dụng cụ thể DHTHĐ ở các trường phổ thông.

1. Khái niệm dạy học theo hợp đồng

Theo **Từ điển Tiếng Việt**: *Hợp đồng* (HĐ) là chứng thư ghi nhận sự giao ước giữa hai hay nhiều người về việc gì [4; tr 412]. DHTHĐ “Contract teaching”, “Contract Work” hay “Learning Contract” là làm việc HĐ hay là dạy/học theo HĐ, nhấn mạnh vai trò chủ thể của HS trong dạy học gắn với một nhiệm vụ dạy học được kí kết giữa người dạy và người học. G. Brousseau (1982) định nghĩa *HĐ học tập như là tập hợp các quan hệ xác định, thường là ngầm ẩn, có thể phân nhỏ một cách rõ ràng thành những điều khoản mà mỗi bên (thầy giáo và HS) có trách nhiệm thực*

hiện những nghĩa vụ bên này đối với bên kia” [5; tr 337]. Các tác giả Schwarzer, Kahn & Smart (2000) (2000), cho rằng học theo HĐ là các cam kết bằng văn bản trong đó sinh viên nêu rõ các mục tiêu cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định [6].

Theo Nguyễn Lăng Bình và cộng sự (2009): *Dạy và học theo HĐ là một cách tổ chức môi trường học tập trong đó mỗi HS được giao hoàn thành một HĐ trọn gói các nhiệm vụ/ bài tập khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định. HS được quyền chủ động và độc lập quyết định chọn nhiệm vụ (tự chọn), quyết định về thời gian cho mỗi nhiệm vụ/ bài tập và thứ tự thực hiện các nhiệm vụ/ bài tập đó trong khoảng thời gian chung* [7; tr 35]. Trong đó: GV là người nghiên cứu thiết kế các nhiệm vụ/ bài tập trong HĐ, hướng dẫn HS nghiên cứu HĐ để chọn nhiệm vụ cho phù hợp với năng lực. HS là người nghiên cứu HĐ, kí kết HĐ, thực hiện HĐ, nhằm đạt được mục tiêu học tập cụ thể. GV có thể chắc chắn rằng mỗi HS đã kí HĐ tức là đã nhận một trách nhiệm rõ ràng và sẽ hoàn thành các nhiệm vụ vào thời gian xác định theo văn bản.

2. Mục đích và vai trò DHTHĐ

DHTHĐ làm cho bài học phong phú hơn, mở rộng và liên hệ với thực tế nhiều hơn so với dạy học truyền thống; Tạo những nhiệm vụ có tính thách thức khả năng của tất cả HS; Rèn luyện kĩ năng tự học cho người học; Cá nhân hóa việc học tập, giúp người học hiểu rõ hơn về thế mạnh và hạn chế của mình để có hướng thay đổi tốt nhất. DHTHĐ cung cấp những hoạt động học tập giúp phát huy khả năng, sở thích và phong cách học tập khác nhau của HS. HS học cách đưa ra quyết định về việc học của mình, cách quản lí sắp xếp thời gian, chủ động và có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ đã kí. DHTHĐ giúp GV dễ dàng phân hóa được trình độ, năng lực của HS để hướng dẫn HS học tốt hơn.

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

3. Quy trình dạy học theo hợp đồng

Dựa vào quy trình DHTHĐ của tác giả Nguyễn Lăng Bình và cộng sự (2010), chúng tôi đề xuất quy trình DHTHĐ gồm 5 bước, trong quy trình này, chúng tôi thiết kế mẫu HĐ học tập, trong đó HS tự đánh giá mức độ hoàn thành mỗi nhiệm vụ và đánh giá độ khó mỗi nhiệm vụ. Chúng tôi cũng phân tích cụ thể bước nghiệm thu HĐ, dựa trên việc HS tự đánh giá và đánh giá nhiệm vụ để GV tiếp tục hướng dẫn và tổ chức HS học tập tiếp theo.

Bước 1: Chọn nội dung và quy định thời gian DHTHĐ:

- *Chọn nội dung:* Phân tích nội dung kiến thức của bài/ chương/ chủ đề cần tổ chức dạy học và lựa chọn các nội dung có thể thiết kế DHTHĐ, nội dung dạy học HĐ có thể là một bài trọn vẹn, hoặc cũng có thể là một bài ôn tập hay một đơn vị kiến thức. Nhiệm vụ trong HĐ nên chọn bài ôn tập hoặc luyện tập là phù hợp nhất. Hoặc cũng có thể chọn bài mới mà trong đó có thể thực hiện các nhiệm vụ không theo thứ tự bắt buộc. Các nhiệm vụ HĐ được giao cũng cần bắt đầu từ các nhiệm vụ đơn giản đến nhiệm vụ ngày càng phức tạp hơn.

- *Quy định thời gian:* GV phải quyết định thời gian học tập theo HĐ. Việc xác định thời hạn của HĐ theo số tiết học trên lớp là tốt nhất để giúp các HS quản lý thời gian tốt hơn. Thời gian dành cho HĐ nên là 2 tiết. Do HS cần có thêm thời gian nghiên cứu và kí HĐ, có thời gian GV và HS nghiệm thu HĐ. Ngoài ra có thể bố trí cho HS thực hiện HĐ ngoài giờ học chính khóa hoặc ở nhà tùy theo nhiệm vụ cụ thể.

Bước 2: Xác định mục tiêu của HĐ. Việc xác định mục tiêu của HĐ được thể hiện ở các mặt: Về kiến thức cần có đủ cả 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Về kĩ năng gồm có: Kĩ năng học tập, kĩ năng tư duy, kĩ năng sinh học (SH) và về thái độ: HS cần có ý thức tự học, tự tìm tòi và độc lập,...

Bước 3: Thiết kế văn bản HĐ và các dạng bài tập/ nhiệm vụ:

1) *Thiết kế văn bản HĐ:* DHTHĐ chỉ khả thi khi HS có thể đọc, hiểu và thực thi các nhiệm vụ một cách tương đối độc lập. Cấu trúc của HĐ bao gồm các mục như: Họ tên HS, Thời gian thực hiện; Nhiệm vụ; Nội dung; hình thức hoạt động; Thời gian HS thực hiện ở mỗi nhiệm vụ; Điểm cho mỗi nhiệm vụ; HS tự đánh giá mức độ đạt được ở mỗi nhiệm vụ và đánh giá mức độ khó cho mỗi nhiệm vụ để qua đó GV có thể điều chỉnh nhiệm vụ cho các HĐ sau (Cụ thể văn bản HĐ ở ví dụ minh họa). Trong mỗi HĐ có những nhiệm vụ bắt buộc và một số nhiệm vụ tự chọn.

2) *Thiết kế các dạng bài tập/ nhiệm vụ:* Một HĐ luôn phải đảm bảo tính đa dạng của các bài tập/ nhiệm vụ. Sự đa dạng bài tập/ nhiệm vụ sẽ đảm bảo rằng trong mỗi HĐ, HS có thể phát triển được các phương pháp học tập khác nhau và các kĩ năng khác nhau. Ngoài ra cần thiết kế các bài tập/

nhiệm vụ bắt buộc và tự chọn; bài tập/ nhiệm vụ học tập có tính chất giải trí; bài tập/ nhiệm vụ mở và đóng; nhiệm vụ/ bài tập cá nhân kết hợp hợp tác theo nhóm; nhiệm vụ/ bài tập độc lập hoặc được hướng dẫn với mức độ hỗ trợ khác nhau. Khi HS đã quen dần với DHTHĐ, GV không nhất thiết phải thiết kế nhiệm vụ mà chỉ cần đặt ra các yêu cầu về sản phẩm và HS sẽ tự lên kế hoạch cho các nhiệm vụ.

Bước 4: Thiết kế các hoạt động dạy học. Hoạt động của GV và HS bao gồm:

1) *Kí hợp đồng.* GV giới thiệu phương pháp DHTHĐ. Nêu mục tiêu bài học và giao HĐ cho HS. HS nghiên cứu các nhiệm vụ và yêu cầu của HĐ một cách cẩn thận. GV và HS trao đổi những điều chưa rõ trong HĐ. HS quyết định chọn nhiệm vụ tự chọn trên cơ sở năng lực của mình. HS kí vào bản HĐ và đánh dấu các nhiệm vụ tự chọn.

2) *Thực hiện hợp đồng.* Sau khi kí HĐ, HS tự lập kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ. Tùy thời gian của HĐ, GV tổ chức cho HS có thể thực hiện ở trên lớp, ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm để hoàn thành các nhiệm vụ trong HĐ. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân một cách độc lập. Đối với các nhiệm vụ yêu cầu hoạt động nhóm cần hướng dẫn để HS có thể hình thành nhóm và tự tổ chức để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

Trong quá trình HS thực hiện HĐ tại lớp, GV cần theo dõi và hướng dẫn kịp thời khi HS gặp khó khăn cần hỗ trợ. Đặc biệt đối tượng HS trung bình, yếu ngoài trợ giúp của GV cần trợ giúp của HS khá giỏi trong lớp thông qua hoạt động hợp tác cùng chia sẻ.

3) *Nghiệm thu hợp đồng.* Trước khi kết thúc các nhiệm vụ theo thời gian quy định, GV thông báo HS một khoảng thời gian nhất định để họ nhanh chóng hoàn thành HĐ của mình. Nếu nhiệm vụ giao hoàn thành ở nhà, GV dành cho HS một khoảng thời gian nhất định để hoàn thành HĐ và chuẩn bị nghiệm thu HĐ tại lớp học. Để nghiệm thu HĐ trước hết GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

GV tổng hợp lại kết quả tự đánh giá của HS như bảng sau:

| Nhiệm vụ | Số lượng HS | HS tự đánh giá | | | | HS đánh giá nhiệm vụ | | |
|----------|-------------|----------------|---|---|---|----------------------|----|-----|
| | | 0 | 1 | 2 | 3 | Đễ | TB | Khó |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

(0: Chưa thực hiện; 1: Thực hiện được một phần nhỏ; 2: Thực hiện nhưng chưa hoàn thiện; 3: Hoàn thành tốt)

Dựa vào kết quả tổng hợp được GV sẽ nghiệm thu HĐ: - Đánh giá thực hiện các nhiệm vụ: Một số nhiệm vụ tất cả HS đều hoàn thành, nhưng có những nhiệm vụ chỉ có một số HS hoàn thành, GV cần sắp xếp lại thành các nhóm sao cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp đỡ những HS làm chưa tốt, hoặc chưa làm được. GV cũng yêu cầu những

3) Người ta đã ứng dụng hình thức lên men nào trong muối dưa, muối cà? Quá trình đó diễn ra như thế nào?

Nhiệm vụ 3: (Thảo luận nhóm)

1) Nêu nguyên tắc và ứng dụng của nuôi cấy không liên tục và nuôi cấy liên tục? Vì sao khi nuôi cấy không liên tục, VSV tự phân hủy ở pha suy vong, còn nuôi cấy liên tục không có hiện tượng này?

2) Dựa vào ảnh hưởng của các nhân tố hóa học và vật lý đến sinh trưởng của VSV, hãy phân tích các biện pháp để kiểm soát sự sinh trưởng của VSV?

3) Giải thích tại sao phải đun sôi lại thức ăn còn thừa trước khi lưu giữ trong tủ lạnh và phải đem phơi khô dưới nắng các loại ngũ cốc (đậu, lạc, vừng...) trước khi đem cất?

Nhiệm vụ 4: Trả lời các câu hỏi:

Sự sinh trưởng ở VSV khác với sự sinh trưởng của cơ thể đa bào như thế nào? Hãy giải thích vì sao VSV có kích thước nhỏ bé nhưng lại có tốc độ sinh trưởng và sinh sản rất cao?

Nhiệm vụ 5: Giải quyết các bài tập mục V trong sách giáo khoa trang 131:

1) Điền nội dung phù hợp vào bảng sau:

| TT | Virut | Loại axit nucleic | Vỏ Capsit có đối xứng | Có vỏ bọc ngoài vỏ capsit | Vật chủ | Phương thức lan truyền |
|----|----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------------|---------|------------------------|
| 1 | HIV | ARN1 mạch 2 phân tử | | | | |
| 2 | Virut khảm thuốc lá | ARN 1 mạch | | | | |
| 3 | Phagơ T ₂ | ADN 2 mạch | | | | |
| 4 | Virut cúm | ARN 1 mạch | | | | |

2) Hãy nêu các phương pháp bảo quản nông sản? Vì sao sử dụng các phương pháp đó để bảo quản nông sản?

Nhiệm vụ 6: Bài tập: Để nghiên cứu kiểu hô hấp của 3 loại vi khuẩn: Trực khuẩn mủ xanh, trực khuẩn đường ruột, trực khuẩn uốn ván, người ta cấy sâu chúng vào môi trường thạch loãng trong ống nghiệm có nước thịt và gan (VF) với thành phần như sau (g/l): nước chiết thịt gan-30, glucozo-2, thạch-6, nước cất-1. Sau 24h nuôi ở nhiệt độ phù hợp, kết quả thấy trực khuẩn mủ xanh tập trung ở phần bề mặt của ống nghiệm, trực khuẩn đường ruột phân bố rộng khắp nơi trong ống nghiệm, trực khuẩn uốn ván chỉ xuất hiện ở phần đáy ống nghiệm nuôi cấy.

a. Môi trường VF là loại môi trường nào?

b. Xác định kiểu hô hấp của mỗi loại vi khuẩn và giải thích?

Nhiệm vụ 7: (Nhiệm vụ tự chọn)

1) Tại sao nói: “Dạ dày, ruột ở người là hệ thống nuôi cấy liên tục đối với VSV”?

2) Vì sao trong sữa chua hầu như không có VSV gây bệnh?

Nhiệm vụ 8: (tự chọn) Thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

1) Vì sao có những virut có thể lây nhiễm cho nhiều loài (ví dụ: virut cúm H5N1 có thể lây nhiễm cho lợn gà vịt,...) nhưng một số phage chỉ có thể lây nhiễm ở E.coli?

2) Giải thích tại sao virut cúm lại có tốc độ biến đổi rất cao?

3) Có thể sử dụng vacxin cúm của năm trước để tiêm phòng chống dịch cúm năm sau không? Tại sao?

Nhiệm vụ 9: (tự chọn) Trả lời các câu hỏi sau:

1) Tại sao nhiều người không biết mình bị nhiễm HIV? Điều đó nguy hiểm như thế nào đối với xã hội?

2) Một người nói với bạn “Không nên chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại nhà” Theo bạn quan niệm đó đúng hay sai? Tại sao?

4. Thực nghiệm sự phạm

Chúng tôi đã dạy thực nghiệm 3 bài thuộc phần SH VSV (**SH10-THPT**) tại 2 lớp ở Trường THPT Vân Tảo, Hà Nội năm học 2016-2017, gồm: Chương I: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở VSV; Bài 25: Sinh trưởng ở VSV; Bài 33: Ôn tập phần SH VSV.

Bảng 1. Danh sách các lớp thực nghiệm (TN) và đối chứng (ĐC)

| Tên trường | Lớp TN | | Lớp ĐC | |
|--------------|--------|-------|--------|-------|
| | Lớp | Số HS | Lớp | Số HS |
| THPT Vân Tảo | 10T | 44 | 10V | 41 |
| | 10A1 | 39 | 10A2 | 40 |

Cùng một GV dạy ở 2 lớp, ở lớp TN, HS học theo hợp đồng, còn ở lớp ĐC GV dạy như bình thường. Cuối mỗi bài dạy có một bài kiểm tra chung để đánh giá kiến thức HS, tính theo thang điểm 10.

Kết quả thực nghiệm

Trong mỗi bài HS học theo phương pháp DHTHĐ, HS được tự học, tự thực hiện các nhiệm vụ theo HĐ đã kí, tự lựa chọn các nhiệm vụ theo khả năng của mình. Kết thúc mỗi HĐ, HS được tự đánh giá bản thân, đánh giá nhiệm vụ, qua đó GV có thể đánh giá kiến thức HS, đánh giá năng lực tự học của HS cũng như xem lại các nhiệm vụ đã giao cho HS. Ngoài ra, GV còn có các bài kiểm tra đánh giá kiến thức HS để so sánh giữa hai lớp TN và ĐC.

Kết quả định lượng: Ở cả hai nhóm TN và ĐC đã thực hiện 3 bài kiểm tra và thu được tổng số 492 bài (249 bài TN và 243 bài ĐC). Kết quả như sau: (xem *bảng 2*)

Từ *bảng 2* cho thấy: Trong TN, điểm trung bình cộng trong mỗi lần kiểm tra ở nhóm TN đều cao hơn so với nhóm ĐC. Điểm trung bình cộng của HS của nhóm TN tăng dần

Bảng 2. Kết quả qua các lần kiểm tra trong TN

| Bài | Phương án | N | $\bar{X} \pm m$ | S | C_v (%) | $d_{TN-ĐC}$ |
|----------|-----------|-----|-----------------|------|-----------|-------------|
| 1 | TN | 83 | $7,15 \pm 0,18$ | 1,65 | 23,04 | 0,69 |
| | ĐC | 81 | $6,45 \pm 0,2$ | 1,83 | 28,33 | |
| 2 | TN | 83 | $7,48 \pm 0,17$ | 1,50 | 20,10 | 0,77 |
| | ĐC | 81 | $6,71 \pm 0,19$ | 1,74 | 25,91 | |
| 3 | TN | 83 | $7,61 \pm 0,17$ | 1,59 | 20,87 | 0,97 |
| | ĐC | 81 | $6,64 \pm 0,21$ | 1,90 | 28,67 | |
| Tổng hợp | TN | 249 | $7,41 \pm 0,17$ | 1,58 | 21,33 | 0,82 |
| | ĐC | 243 | $6,60 \pm 0,20$ | 1,82 | 27,64 | |

qua các lần kiểm tra. Hiệu số điểm trung bình cộng ($d_{TN-ĐC}$) lần lượt là 0,69; 0,77; 0,97 và đều dương chứng tỏ kết quả lĩnh hội kiến thức của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC. Độ lệch chuẩn (S) của nhóm TN qua 3 lần kiểm tra là 1,58 nhỏ hơn của nhóm ĐC 1,82 chứng tỏ số liệu của lớp TN ít phân tán hơn so với lớp ĐC. C_v của nhóm TN cũng nhỏ hơn nhóm ĐC và có xu hướng giảm, chứng tỏ độ dao động xung quanh giá trị trung bình cộng của nhóm TN nhỏ hơn nhóm ĐC, điều đó cho thấy chất lượng lớp TN đồng đều hơn lớp ĐC. Như vậy, bước đầu cho phép đánh giá hiệu quả vận dụng DHTHĐ.

Kết quả định tính: Trong DHTHĐ, HS có trách nhiệm và ý thức hoàn thành nhiệm vụ đúng theo yêu cầu và thời gian khi được kí HĐ với GV. HS biết sắp xếp thời gian và thứ tự làm việc một cách hợp lí, phù hợp với năng lực của bản thân. HS tích cực, chủ động. Đối với các nhiệm vụ yêu cầu bài tập nhóm, thảo luận nhóm HS tích cực trao đổi và có sự trợ giúp lẫn nhau hiệu quả. Việc thu thập thông tin và xử lí nguồn thông tin trong và ngoài sách giáo khoa diễn ra hiệu quả. Cách hoàn thành nhiệm vụ của các em đưa ra đa dạng và có chất lượng hơn qua các bài TN, kế hoạch thực hiện được lập ra càng về sau càng nhanh và chính xác hơn. Các KN giao tiếp, diễn đạt, lắng nghe và phản hồi có sự tiến bộ đáng kể thể hiện ở chỗ HS tự tin và lưu loát hơn trong việc trình bày ý kiến của mình. Khả năng đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá ngày càng tự tin và chính xác.

Trên cơ sở nghiên cứu và thực nghiệm về DHTHĐ, chúng tôi cho rằng, khi GV vận dụng quy trình DHTHĐ như trên, HS vừa tự chiếm lĩnh kiến thức, vừa phát triển được một số kĩ năng học tập, đặc biệt là kĩ năng tự học, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và kĩ năng hợp tác. Từ nghiên cứu này có thể làm tài liệu tham khảo cho GV trong dạy học ở trường phổ thông. □

Tài liệu tham khảo

[1] Carol A. T. (1999). *The differentiated Classroom, Responding to the Needs of all learners*, Association

for Supervision and Curriculum Development Alexandria, VA US.22.

[2] Lê Thị Hoài Châu (2006). *Đổi mới chương trình - Nội dung và Phương pháp dạy học môn Toán*. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 2004-2007. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[3] Dự án Việt-Bỉ (2010). *Lí luận cơ bản một số kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực*, Hà Nội.

[4] *Từ điển Tiếng Việt*. (2014). Ban biên soạn Chuyên từ điển: New Era, NXB Từ điển Bách khoa.

[5] Annie Bessot, Claude Comiti - Lê Thị Hoài Châu - Lê Văn Tiến (2009). *Những yếu tố cơ bản của Didactic Toán*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[6] Schwarzer, D., Kahn, R. E. and Smart, K. (2000). *Learning Contracts and Team Teaching in a University ESL Writing Class*. The Internet TESL Journal, 6(10)

[7] Nguyễn Lăng Bình - Đỗ Hương Trà - Nguyễn Phương Hồng - Cao Thị Thặng (2009). *Dạy và học tích cực. Một số kĩ thuật và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.

Thực trạng giáo dục hành vi đạo đức...

(Tiếp theo trang 30)

quan trọng của việc giáo dục HVĐĐ cho trẻ 5-6 tuổi làm quen với VHTN và bước đầu GV cũng biết lựa chọn những nội dung để giáo dục HVĐĐ cho trẻ. Tuy nhiên, họ còn hạn chế rất nhiều trong việc sử dụng các biện pháp để phát huy hiệu quả của VHTN với việc giáo dục HVĐĐ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2009). *Chương trình Giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Đào Thanh Âm - Trịnh Dân - Nguyễn Thị Hòa (1995). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Nguyễn Ánh Tuyết (2007). *Giáo dục mầm non - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.

[4] Lê Thị Bắc Lý (2012). *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Hà Nguyễn Kim Giang (2002). *Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Hà Nguyễn Kim Giang (2001). *Phương pháp đọc kể sáng tạo truyện cổ tích thần kì cho trẻ mẫu giáo*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[7] Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Như Mai - Đinh Kim Thoa (1994). *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

[8] Nguyễn Viết Chữ (2009). *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường*. NXB Giáo dục Việt Nam.